

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN DI CHUYỂN GPMB
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG

STT	Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Số BBKK	Diện tích đất thu hồi (m2)	Tổng giá trị PA BTHT (đồng)	Phương án chia ra			Ghi chú
						Đất	Vật kiến trúc	Chính sách hỗ trợ	
1	Ông Bùi Anh Tuấn và vợ Bà Đoàn Thị Nguyệt - Tổ chức có quyền lợi liên quan Công ty TNHH MTV Petrolimex Hải Phòng	Tổ dân phố Hòa Quang, đặc khu Cát Hải	882+769	136,0	1.025.242.000	476.000.000	549.242.000	0	
2	Công ty TNHH MTV Petrolimex Hải Phòng	Số 1, Sở Dầu, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	883+769	136,7	0	0	0	0	
	Cộng			272,7	1.025.242.000	476.000.000	549.242.000	0	

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	Hạng mục	NHÀ ĐIỀU HÀNH VÀ KHU VỰC BÁN HÀNG				579.737.000	1,0	70%	408.134.848	Bồi thường theo điểm b, khoản 1, điều 14 Nghị định 88/2024 ngày 15/7/2024 của Chính phủ; khoản 1, điều 4 Quyết định 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của UBND thành phố Hải Phòng; Căn cứ Mục 2, Công văn số 6548/CV-LS ngày 22/11/2024 của Liên Sở; Xây dựng – Tài nguyên và Môi trường
2	Hạng mục	BỂ CHỨA XĂNG DẦU, ĐƯỜNG ỐNG, HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ ĐI KÈM				293.973.000	1,0	48%	141.107.040	
		Cộng tổng							1.025.242.000	

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Họ và tên: Công ty TNHH MTV Petrolimex Hải Phòng
Địa chỉ: Số 1, Sở Dầu, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

Số BB: 769+882+883

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
I	Đất	Tổng diện tích đất thu hồi		m2	136,7				0	
		Là đất bằng chưa sử dụng do UBND thị trấn Cát Hải quản lý. Năm 2011 Công ty TNHH MTV Petrolimex Hải Phòng đã xây dựng một số công trình để phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Theo hồ sơ bản đồ địa chính thị trấn Cát Hải năm 2013, thửa đất 2b (theo trích lục GPMB) được ghi nhận là một phần thửa đất số 4, tờ bản đồ số 14, diện tích 272,7m2, chủ sử dụng là Công ty xăng dầu khu vực III-TNHH MTV, mã loại đất là SKC. Nay nhà nước thu hồi diện tích 136,7m2 đất để thực hiện dự án, diện tích đất trên chưa được cấp GCNQSDĐ.		m2	136,7				0	Không bồi thường theo khoản 2 Điều 101 và khoản 1 Điều 107 Luật Đất đai
II	Vật kiến trúc	Tài sản xây dựng trên thửa đất số 2b, diện tích 136,7m2 (Ngoài giấy phép xây dựng).							0	
1	Hạng mục	NHÀ BẾP + KHO + VỆ SINH							0	Không bồi thường theo khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai
2	Hạng mục	NHÀ KHO 2 VÀ TƯỜNG BAO							0	
3	Hạng mục	SÂN PHÍA TRƯỚC KHU VỰC BÁN XĂNG DẦU							0	
4	Hạng mục	BỜ KÈ ĐÁ HỌC, BÊ CỨU HỎA VÀ SÂN CẠNH BÊ CỨU HỎA							0	
5	Hạng mục	CỘT THU LÔI, HỆ THỐNG TĨNH ĐIỆN							0	
		Cộng tổng							0	

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG

Tên công trình: CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 51 DO CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX HẢI PHÒNG QUẢN LÝ ĐỂ THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẢNG CỬA NGÕ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2) DO CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VŨ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

Tên hạng mục: NHÀ BẾP + KHO + VỆ SINH

Thời điểm lập: .

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị (đ)
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			162.911.487
1	Chi phí Vật liệu	VL	A1	109.039.458
	+ Theo giá xây dựng tổng hợp	A1	Bảng giá tổng hợp	109.039.458
2	Chi phí Nhân công	NC	B1	51.265.216
	+ Theo giá xây dựng tổng hợp	B1	Bảng giá tổng hợp	51.265.216
3	Chi phí Máy thi công	M	C1	2.606.814
	+ Theo giá xây dựng tổng hợp	C1	Bảng giá tổng hợp	2.606.814
	Cộng chi phí trực tiếp	T	VL + NC + M	162.911.487
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			13.358.742
1	Chi phí chung	C	T x 6,2%	10.100.512
2	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	TT	T x 2%	3.258.230
	Cộng chi phí gián tiếp	GT	(C + TT)	13.358.742
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	(T+GT) x 6%	10.576.214
	Chi phí xây dựng trước thuế	G	(T+GT+TL)	186.846.443
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	GTGT	G x 8%	14.947.715
	Chi phí xây dựng sau thuế	Gxdept	G + GTGT	201.794.158
V	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	LT	Gxdept x 1%	2.017.942
	TỔNG CỘNG	Gxd		203.812.100
	LÀM TRÒN			203.812.000
Bảng chữ: Hai trăm linh ba triệu tám trăm mười hai nghìn đồng chẵn./.				

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG

0

Tên công trình: CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 51 DO CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX HẢI PHÒNG QUẢN LÝ ĐỂ THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẢNG CỬA NGÕ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2) DO CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VŨ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

Tên hạng mục: NHÀ KHO 2 VÀ TƯỜNG BAO

Thời điểm lập: .

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị (đ)
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			38.096.504
1	Chi phí Vật liệu	VL	A1	24.050.480
	+ Theo giá xây dựng tổng hợp	A1	Bảng giá tổng hợp	24.050.480
2	Chi phí Nhân công	NC	B1	13.569.519
	+ Theo giá xây dựng tổng hợp	B1	Bảng giá tổng hợp	13.569.519
3	Chi phí Máy thi công	M	C1	476.505
	+ Theo giá xây dựng tổng hợp	C1	Bảng giá tổng hợp	476.505
	Cộng chi phí trực tiếp	T	VL + NC + M	38.096.504
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			3.123.913
1	Chi phí chung	C	T x 6,2%	2.361.983
2	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	TT	T x 2%	761.930
	Cộng chi phí gián tiếp	GT	(C + TT)	3.123.913
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	(T+GT) x 6%	2.473.225
	Chi phí xây dựng trước thuế	G	(T+GT+TL)	43.693.643
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	GTGT	G x 8%	3.495.491
	Chi phí xây dựng sau thuế	Gxdept	G + GTGT	47.189.134
V	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	LT	Gxdept x 1%	471.891
	TỔNG CỘNG	Gxd		47.661.025
	LÀM TRÒN			47.661.000
Bảng chữ: Bốn mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn đồng chẵn./.				

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG

0

Tên công trình: CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 51 DO CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX HẢI PHÒNG QUẢN LÝ ĐỂ THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẢNG CỬA NGÕ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2) DO CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VŨ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

Tên hạng mục: NHÀ ĐIỀU HÀNH VÀ KHU VỰC BÁN HÀNG

Thời điểm lập: .

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị (đ)
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			463.396.393
1	Chi phí Vật liệu	VL	A1	347.295.908
	+ Theo giá xây dựng tổng hợp	A1	Bảng giá tổng hợp	347.295.908
2	Chi phí Nhân công	NC	B1	109.494.331
	+ Theo giá xây dựng tổng hợp	B1	Bảng giá tổng hợp	109.494.331
3	Chi phí Máy thi công	M	C1	6.606.154
	+ Theo giá xây dựng tổng hợp	C1	Bảng giá tổng hợp	6.606.154
	Cộng chi phí trực tiếp	T	VL + NC + M	463.396.393
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			37.998.504
1	Chi phí chung	C	$T \times 6,2\%$	28.730.576
2	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	TT	$T \times 2\%$	9.267.928
	Cộng chi phí gián tiếp	GT	(C + TT)	37.998.504
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	$(T+GT) \times 6\%$	30.083.694
	Chi phí xây dựng trước thuế	G	$(T+GT+TL)$	531.478.591
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	GTGT	$G \times 8\%$	42.518.287
	Chi phí xây dựng sau thuế	Gxdcpt	$G + GTGT$	573.996.878
V	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	LT	$Gxdcpt \times 1\%$	5.739.969
	TỔNG CỘNG	Gxd		579.736.847
	LÀM TRÒN			579.737.000
Bảng chữ: Năm trăm bảy mươi chín triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn đồng chẵn./.				

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG

0

Tên công trình: CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 51 DO CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX HẢI PHÒNG QUẢN LÝ ĐỂ THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẢNG CỬA NGÕ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2) DO CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VŨ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

Tên hạng mục: BỂ CHỨA XĂNG DẦU, ĐƯỜNG ỐNG, HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ ĐI KÈM

Thời điểm lập: .

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị (đ)
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			234.979.402
1	Chi phí Vật liệu	VL	A1	154.150.161
	+ Theo giá xây dựng tổng hợp	A1	Bảng giá tổng hợp	154.150.161
2	Chi phí Nhân công	NC	B1	68.029.305
	+ Theo giá xây dựng tổng hợp	B1	Bảng giá tổng hợp	68.029.305
3	Chi phí Máy thi công	M	C1	12.799.935
	+ Theo giá xây dựng tổng hợp	C1	Bảng giá tổng hợp	12.799.935
	Cộng chi phí trực tiếp	T	VL + NC + M	234.979.402
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			19.268.311
1	Chi phí chung	C	T x 6,2%	14.568.723
2	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	TT	T x 2%	4.699.588
	Cộng chi phí gián tiếp	GT	(C + TT)	19.268.311
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	(T+GT) x 6%	15.254.863
	Chi phí xây dựng trước thuế	G	(T+GT+TL)	269.502.575
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	GTGT	G x 8%	21.560.206
	Chi phí xây dựng sau thuế	Gxđcpt	G + GTGT	291.062.781
V	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	LT	Gxđcpt x 1%	2.910.628
	TỔNG CỘNG	Gxd		293.973.409
	LÀM TRÒN			293.973.000
Bảng chữ: Hai trăm chín mươi ba triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn đồng chẵn./.				

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG

0

Tên công trình: CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 51 DO CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX HẢI PHÒNG QUẢN LÝ ĐỂ THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẢNG CỬA NGÕ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2) DO CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VŨ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

Tên hạng mục: CỘT THU LÔI, HỆ THỐNG TÍNH ĐIỆN

Thời điểm lập: .

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị (đ)
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			20.709.338
1	Chi phí Vật liệu	VL	A1	9.994.815
	+ Theo giá xây dựng tổng hợp	A1	Bảng giá tổng hợp	9.994.815
2	Chi phí Nhân công	NC	B1	10.217.195
	+ Theo giá xây dựng tổng hợp	B1	Bảng giá tổng hợp	10.217.195
3	Chi phí Máy thi công	M	C1	497.328
	+ Theo giá xây dựng tổng hợp	C1	Bảng giá tổng hợp	497.328
	Cộng chi phí trực tiếp	T	VL + NC + M	20.709.338
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			1.698.166
1	Chi phí chung	C	T x 6,2%	1.283.979
2	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	TT	T x 2%	414.187
	Cộng chi phí gián tiếp	GT	(C + TT)	1.698.166
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	(T+GT) x 6%	1.344.450
	Chi phí xây dựng trước thuế	G	(T+GT+TL)	23.751.954
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	GTGT	G x 8%	1.900.156
	Chi phí xây dựng sau thuế	Gxdcpt	G + GTGT	25.652.111
V	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	LT	Gxdcpt x 1%	256.521
	TỔNG CỘNG	Gxd		25.908.632
	LÀM TRÒN			25.909.000
Bảng chữ: Hai mươi lăm triệu chín trăm linh chín nghìn đồng chẵn./.				

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG

0

Tên công trình: CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 51 DO CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX HẢI PHÒNG QUẢN LÝ ĐỂ THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẢNG CỬA NGÕ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2) DO CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VŨ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

Tên hạng mục: SÂN PHÍA TRƯỚC KHU VỰC BÁN XĂNG DẦU

Thời điểm lập: .

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị (đ)
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			299.106.697
1	Chi phí Vật liệu	VL	A1	56.671.784
	+ Theo giá xây dựng tổng hợp	A1	Bảng giá tổng hợp	56.671.784
2	Chi phí Nhân công	NC	B1	117.609.782
	+ Theo giá xây dựng tổng hợp	B1	Bảng giá tổng hợp	117.609.782
3	Chi phí Máy thi công	M	C1	124.825.130
	+ Theo giá xây dựng tổng hợp	C1	Bảng giá tổng hợp	124.825.130
	Cộng chi phí trực tiếp	T	VL + NC + M	299.106.697
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			24.526.749
1	Chi phí chung	C	T x 6,2%	18.544.615
2	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	TT	T x 2%	5.982.134
	Cộng chi phí gián tiếp	GT	(C + TT)	24.526.749
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	(T+GT) x 6%	19.418.007
	Chi phí xây dựng trước thuế	G	(T+GT+TL)	343.051.453
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	GTGT	G x 8%	27.444.116
	Chi phí xây dựng sau thuế	Gxdept	G + GTGT	370.495.569
V	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	LT	Gxdept x 1%	3.704.956
	TỔNG CỘNG	Gxd		374.200.525
	LÀM TRÒN			374.201.000
Bảng chữ: Ba trăm bảy mươi tư triệu hai trăm linh một nghìn đồng chẵn./.				

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG

0

Tên công trình: CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 51 DO CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX HẢI PHÒNG QUẢN LÝ ĐỂ THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẢNG CỬA NGÕ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2) DO CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VŨ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

Tên hạng mục: BỜ KÈ ĐÁ HỌC, BỂ CỨU HỎA VÀ SÂN CẠNH BỂ CỨU HỎA

Thời điểm lập: .

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị (đ)
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			174.467.242
1	Chi phí Vật liệu	VL	A1	105.249.960
	+ Theo giá xây dựng tổng hợp	A1	Bảng giá tổng hợp	105.249.960
2	Chi phí Nhân công	NC	B1	53.851.131
	+ Theo giá xây dựng tổng hợp	B1	Bảng giá tổng hợp	53.851.131
3	Chi phí Máy thi công	M	C1	15.366.151
	+ Theo giá xây dựng tổng hợp	C1	Bảng giá tổng hợp	15.366.151
	Cộng chi phí trực tiếp	T	VL + NC + M	174.467.242
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			14.306.314
1	Chi phí chung	C	T x 6,2%	10.816.969
2	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	TT	T x 2%	3.489.345
	Cộng chi phí gián tiếp	GT	(C + TT)	14.306.314
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	(T+GT) x 6%	11.326.413
	Chi phí xây dựng trước thuế	G	(T+GT+TL)	200.099.969
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	GTGT	G x 8%	16.007.997
	Chi phí xây dựng sau thuế	Gxdept	G + GTGT	216.107.966
V	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	LT	Gxdept x 1%	2.161.080
	TỔNG CỘNG	Gxd		218.269.046
	LÀM TRÒN			218.269.000
Bảng chữ: Hai trăm mười tám triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn đồng chẵn./.				